TÊN BÀI DẠY:

BÀI 4 – TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: ….. tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cụcniêm, luật, vần, nhịpđối
- ❖ Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng
- ❖ Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó; hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái
- ❖ Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- ❖ Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức phê phân cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Em hãy nêu một số đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chủ đề *TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trang 80 – SGK **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc phần giới thiệu bài học **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Học sinh chú ý theo dõi phần giới thiệu bài học **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học ➔ Ghi lên bảng.	**I. Giới thiệu bài học.** Tiếng cười trào phúng với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau là một phần của đời sốngTiếng cười đó được bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng taNó góp phần thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế và hưởng chúng ta đến chân, thiện, mĩ * Thơ trào phúng chuyển tải tiếng cười trào phúng dưới hình thức ngôn ngữ thi ca. Trong bài học này em sẽ được đọc một số bài thơ trào phúng sáng tác theo thể thơ thất ngôn bát cú và thất ngôn từ tuyệt. Đây cũng là dịp em củng cố kĩ năng đọc hiểu một bài thơ Đường luật. Bên cạnh đó, em cũng sẽ được tiếp cận một văn bản nghị luận kết nối vô chủ đề để thấy những giọng điệu khác nhau của tiếng cuối trào phúng và cảm nhận rõ nét hơn ý nghĩa, giá trị tốt đẹp mà tiếng cười ấy đem lại cho cuộc đời

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a.Mục tiêu: Cung cấp tri thức ngữ văn về thơ trào phùng, tri thức tiếng việt về từ Hán Việt và sắc thái nghĩa của từ ngữ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Tìm hiểu về thơ trào phúng **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về thơ trào phúng **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thực hiện ghi chép ý chính về thơ trào phúng **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Phần ghi chép của học sinh **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. **<u>Nhiệm vụ 2:</u> Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về từ Hán Việt và sắc thái nghĩa của từ ngữ** - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 81)	**II. Tri thức Ngữ văn** **1/ Thơ trào phúng** **- Về nội dung:** thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,...nhằm hướng con người tới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp **- Về nghệ thuật:** thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,...tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng, lúc đả kích mạnh mẽ sâu cay.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS ghi chép **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - Phần ghi chép của HS **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	**2. Từ Hán Việt** Từ Hán Việt là những từ trong tiếng Việt vay mượn và nó có nghĩa gốc từ tiếng Hán (Trung Quốc) nhưng được ghi lại bằng chữ cái Latinh. Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt, ví dụ: tổ, đầu, phòng, cao, tuyết bang, thần, bút,... và một bộ phận các từ phức (có chứa yếu tố thường không có khả năng sử dụng độc lập như từ đơn) ít nhiều còn gây khó hiểu như: sĩ tử, nhân văn, nhân đạo, không phân, hải phận, địa cực, kí sinh,... Nhóm các từ phức gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt **3. Sắc thái nghĩa của từ ngữ** Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Tiếng cười trào phúng trong thơ phần tri thức ngữ văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*
- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
  + Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn.*
  + Soạn bài: ***Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu***

TIẾT…: VĂN BẢN 1. *LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU*

(Trần Tế Xương)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- ❖ Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng

❖ HS chỉ ra được cảm hứng chủ đạo của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu*
- Năng lực nhận biết được tiếng cười trào phúng trong thơ qua văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Phê phán, lên án những thói hư tật xấu trong xã hội xưa

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu*

b. Nội dung: HS thể hiện hiểu biết về lịch sử nước nhà

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: ***Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?***

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**	**I. Tìm hiểu chung** **1.Tác giả** - Trần Tế Xương (1870 - 1907) thường gọi là Tú Xương - Quê quán: làng Vị Xuyên - huyện Mĩ Lộc - tỉnh Nam Định (nay thuộc phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định). - Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian

và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	truân - Thơ của ông đậm chất trữ tình và trào phúng, phản ánh - Một số tác phẩm như: *Vịnh khoa thi Hương, Giễu người thi đỗ, Ông cò, Phường nhơ, Thương vợ, Văn tế sống vợ,.* **2. Tác phẩm** ***a. Xuất xứ*** - "Vịnh khoa thi Hương" còn có tên gọi khác "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu", được sáng tác năm 1897. ***b. Bố cục*** - Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi - Hai câu thực: Cảnh tượng khi đi thi - Hai câu luận: Những ông to bà lớn đến trường thi - Hai câu kết: Thái độ phê bình của nhà thơ với kì thi

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cụcniêm, luật, vần, nhịpđối
- ❖ Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng
- ❖ HS chỉ ra được cảm hứng chủ đạo của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Khăn trải bàn **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	**II/ Tìm hiểu chi tiết** ***a. Hai câu đề*** - Nói về sự kiện: theo lệ thường thời phong kiến cứ ba năm có một khoa thi Hương -> sự kiện tưởng như không có gì đặc biệt, chỉ có tính chất như một thông báo một thông tin bình thường. - Sử dụng từ "lẫn": thể hiện sự ô hợp, hỗn tạp của kì thi này. Đây chính là điều bất thường của kì thi. → Hai câu đề với kiểu câu tự sự có tính chất kể lại kì thi với tất cả sự ô hợp, hỗn tạp, thiếu nghiêm túc trong buổi giao thời. ***b. Hai câu thực*** - Hình ảnh: + Sĩ tử: lôi thôi, vai đeo lọ → dáng vẻ luộm thuộm, nhếch nhác. + Quan trường: ậm ọe, miệng thét loa → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ. - Nghệ thuật: + Sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình: ậm ọe, lôi thôi. + Đối: lôi thôi sĩ tử >< ậm ọe quan

	trường. + Đảo ngữ: Đảo trật tự cú pháp "lôi thôi sĩ tử", "ậm ọe quan trường". → Sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, mặc dù đây là một kì thi Hương quan trong của nhà nước. → Cảnh trường thi phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho. ***c. Hai câu luận*** - Hình ảnh: + Quan sứ: Viên quan người Pháp đứng đầu bộ máy cái trị của tỉnh Nam Định được tiếp đón trọng thể. + Mụ đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà. → Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi. + Nghệ thuật đối: Lọng >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mụ đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm hạ nhục bọn quan lại, thực dân. → Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến. ***d. Hai câu kết*** - Tâm trạng thái độ của tác giả trước cảnh tượng trường thi: Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước. Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ với
<u>Nhiệm vụ 2:</u> **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: ***Nhân vật nào trong bài thơ để lại cho em ấn tượng nhiều nhất? Vì sao?*** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	

	chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông. - Hai câu cuối như một lời nhắn nhủ các sĩ tử về nỗi nhục mất nước. Nhà thơ hỏi người nhưng cũng chính là hỏi mình. **III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Nghệ thuật đối, đảo ngữ - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm **2. Nội dung** Bài thơ ghi lại cảnh "nhập trường" vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu để hoàn thành bài tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1 : Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu được viết bằng thể thơ gì?

A. Song thất lục bát

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn bát cú

D. Thất ngôn trường thiên

Câu 2: Câu đề bài thơ thông báo về sự kiện gì?

A.Theo lệ thường, kì thi Hương được tổ chức ba lần trong năm.

B. Theo lệ thường, kì thi Hương được tổ chức ba năm một lần.

C.Nhà nước tổ chức kì thi Hương hàng năm.

D.Tất cả đều sai.

Câu 3: Sự xuất hiện của những nhân vật nào làm cho trường thi trở nên lố bịch nhất?

A. Sĩ tử và quan trường

B. Quan sứ và bà đầm

C. Quan sứ và quan trường

D. Quan trường và bà đầm

Câu 4: Giá trị tư tưởng ở hai câu kết bài thơ là:

A. Tư tưởng yêu nước

B. Tư tưởng nhân đạo

C. Tư tưởng thân dân

D. Tất cả đều đúng

Câu 5: Vì sao kì thi Hương lại phải tổ chức thi ở Trường Nam?

A. Vì Trường Nam tổ chức thi tốt hơn

B. Vì Trường Hà không tổ chức thi

C. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, trường thi ở Hà Nội bị bãi bỏ, các sĩ tử phải thi ở trường Nam

D. Cả nước chỉ có duy trường thi duy nhất là trường Nam

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao

	biết và nhận diện		Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

Trường:..... Họ và tên giáo viên:……

Tổ:..... ……

TIẾT: …THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

NGHĨA CỦA MỘT SỐ TỪ, THÀNH NGỮ HÁN VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt
- HS chỉ ra và nêu được nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi nối từ

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi nối từ
- GV đưa từ mở đầu, lần lượt HS sẽ tham gia chơi nối từ, HS nào không tìm được từ nối sẽ thua

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận biết hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt

a. Mục tiêu: Giúp học sinh phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việtaa

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 84 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc thông tin **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: các yếu tố Hán Việt cùng âm, nhưng nghĩa khác xa nhau và không có liên quan với nhau. Ví dụ: a Giới, với nghĩa là "côi, nơi tiếp giáp" trong các từ như: giới hạn giới thuyết, giới tuyến, biên giới. địa giới, giáp giới, hạ giới, phân giới, ranh giới, thế giới, thượng giới, tiên giới. * Giới, với nghĩa "răn, kiêng" trong các từ như: giới nghiệm, cảnh giới, phạm giới, thụ giới • Giới với nghĩa ở giữa, làm trung gian trong các từ như: giới thiệu, môi giới • Giới với nghĩa "đồ kim khí", vũ khí trong các từ như cơ giới, cơ giới hóa binh giới, khí giới, quân giới • Giới với nghĩa chỉ một loài cây: kinh giới

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 84

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 84

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm một số từ Hán Việt, giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sưu tầm một số từ Hán Việt, giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện sưu tầm và giải nghĩa từ vừa tìm được

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức **(2 điểm)**	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung **(6 điểm)**	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm **(2 điểm)**	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Đáp án bài tập**

Câu hỏi 1. Chỉ ra một số yếu tố Hán Việt được sử dụng trong văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.

a. Giải nghĩa mỗi yếu tố.

b. Tìm một số từ Hán Việt có sử dụng những yếu tố đó (mỗi yếu tố tìm ít nhất hai từ).

a. sĩ tử: là những học trò ngày xưa.

quan trường: là trường thi

quan sứ: quan người nước ngoài

nhân tài: người có tài năng và đạo đức; có một sở trường nào đó, những người có tài năng, năng lực vượt trội ở lĩnh vực nào đó như kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội

b. nhân1: con người

nhân 2: tình người

Những từ ghép Hán Việt có yếu tố "nhân": Nhân cách, nhân hậu, nhân loại, thi nhân, cử nhân, nhân viên, phu nhân, nhân dân,...

Câu hỏi 2. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và tìm từ có yếu tố Hán Việt tương ứng:

Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng
Gian (lừa dối, xảo trá)	
Gian (giữa, khoảng giữa)	
Gian (khó khăn, vất vả)	

Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng
Gian (lừa dối, xảo trá)	gian xảo, gian dối, gian trá, gian ô, gian dâm.
Gian (giữa, khoảng giữa)	nhất gian
Gian (khó khăn, vất vả)	gian hiểm, gian khổ

Câu hỏi 3. Xếp các từ ngữ sau thành từng nhóm có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa và giải nghĩa yếu tố Hán Việt đó:

a. **nam**: kim chỉ nam, nam quyền, nam phong, phương nam, nam sinh, nam tính.

b. **thủy**: thủy tổ, thủy triều, thủy lực, hồng thủy, khởi thủy, nguyên thủy.

c. **giai**: giai cấp, giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại, giai đoạn, bách niên giai lão.

a. Nhóm các từ chỉ nam1: kim chỉ nam, nam phong, phương nam (ý chỉ sự phương hướng).

Nhóm các từ chỉ nam2: nam quyền, nam sinh, nam tính (ý chỉ về con trai).

Giải nghĩa:

kim chỉ nam: kim có nam châm dùng để chỉ phương hướng. Khi nói về chủ trương, đường lối … và nói một cách văn vẻ hơn, nó còn có ý "điều chỉ dẫn đường lối đúng".

nam phong:

- chỉ gió thổi từ phương nam
- tên một khúc nhạc tương truyền do vua "Thuấn" sáng tác.
- âm nhạc của phương Nam
- chỉ thiên "quốc phong" trong kinh Thi.

phương nam: chỉ một phương trong bốn phương, nằm ở phía tay phải của người đang ngoải mặt về phía Mặt Trời.

nam quyền: khái niệm chỉ các phái võ ở miền Nam Trung Hoa và có nguồn gốc từ Nam Thiếu Lâm ở Toàn Châu và tỉnh Phúc Kiến là chủ yếu.

nam sinh: chỉ học sinh nam.

nam tính: chỉ giới tính nam.

b. Nhóm các từ chỉ thủy1: thủy tổ, khởi thủy, nguyên thủy (ý chỉ sự bắt đầu, đầu tiên).

Nhóm các từ chỉ thủy2: thủy triều, thủy lực, hồng thủy (ý chỉ nước).

Giải nghĩa:

thủy tổ: là vị tổ đầu tiên, người khai sinh, người sáng lập ra một dòng họ, một cộng đồng tộc người, một dân tộc, một quốc gia thậm chí cả loài người.

thủy triều: hiện tượng nước biển, nước sông... lên xuống trong một chu kỳ thời gian phụ thuộc biến chuyển thiên văn.

thủy lực: môn khoa học lý giải về sự chuyển động cũng như vận chuyển lực của một chất lỏng tồn tại trong môi trường giới hạn nào đó.

hồng thủy: đại thảm họa khủng khiếp được nhắc đến trong truyền thuyết của nhiều tôn giáo và nhiều dân tộc trên thế giới. Nó được miêu tả là một trận lụt cực lớn và đối với Kinh Thánh là sự trừng phạt của Thiên Chúa do sự suy đồi đạo đức, thoái hóa biến chất của loài người.

khởi thủy: là đầu tiên, trước hết bắt đầu cho một quá trình nào đó thường là lâu dài.

nguyên thủy: thuộc về giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của loài người, cho đến trước khi bước vào xã hội có giai cấp và có nhà nước.

c. Nhóm các từ chỉ giai1: giai cấp, giai đoạn, bách niên giai lão (ý nói về dài, nhiều)

Nhóm các từ chỉ giai2: giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại.

Giải nghĩa:

giai cấp: những tập đoàn người có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất nhất định. Giai cấp không phải tồn tại trong tất cả các xã hội khác nhau của lịch sử và nó không thể tồn tại vĩnh viễn và tuyệt đối.

giai điệu: một chuỗi nối tiếp của các nốt nhạc (các cấp độ hay tầng dao động sóng âm thanh) mà người nghe nhận thức như một thực thể duy nhất.

giai nhân: chỉ người đàn bà đẹp.

giai phẩm: một phong trào văn hóa mang xu hướng chính trị của một số văn nghệ sĩ, trí thức sống ở miền Bắc dưới chính quyền Việt Nam.

giai thoại: một truyện ngắn và hấp dẫn về một sự việc hoặc nhân vật có thật. Tuy được dựa trên một việc hoặc người có thật, nhưng vì được truyền tải qua nhiều bước, nên giai thoại có thể trở thành "hơi phi lý".

giai đoạn: phần thời gian trong một quá trình phát triển dài, phân biệt với những phần thời gian khác bởi những hiện tượng, những đặc điểm riêng.

bách niên giai lão: ngụ ý vợ chồng cùng nhau sống đến trăm tuổi, bên nhau đến già. Dùng để chỉ toàn bộ thời gian mà một người sống trên cõi đời này.

Câu hỏi 4. Giải nghĩa các thành ngữ có yếu tố Hán Việt sau và đặt một câu với mỗi thành ngữ:

a. vô tiền khoáng hậu

b. dĩ hòa vi quý

c. đồng sành dị mộng

d. chúng khẩu đồng từ

e. độc nhất vô nhị

a. Điều chưa từng xảy ra trong quá khứ và cũng rất khó xảy ra trong tương lai.

b. Ý nghĩa cả câu khuyên con người ta giao tiếp hòa thuận, hòa nhã khi tiếp xúc lẫn nhau. Việc hòa hợp, nhường nhịn lẫn nhau sẽ giúp cải thiện mối quan hệ giữa hai người.

c. (Nghĩa đen) Cùng nằm một giường mà giấc mơ khác nhau. (Nghĩa bóng) Sống gần nhau, nhưng không cùng một chí hướng. Vợ chồng đồng sàng dị mộng.

d. chúng: đông người; khẩu: miệng; đồng: cùng; từ: lời): Nhiều người cùng nói một ý giống nhau: Chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết (tng).

e. Thứ độc đáo, chỉ có một mà không có hai.

TIẾT…: VĂN BẢN 2: LAI TÂN

(Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vẫn, nhịp, đối
- ❖ Nhận biết và phân tích được giọng điệu trào phúng được thể hiện trong bài thơ

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lai tân*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giọng điệu trào phúng trong bài thơ

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về Hồ Chí Minh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: ***Hãy kể tên một số bài thơ của Hồ Chí Minh mà em biết?***

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm Lai tân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Lai tân*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	**I. Tìm hiểu chung** - Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam. - Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. - Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan. - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi "Hồ Chí Minh" được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và

	Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc. - Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn nhà thơ lớn. - Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới. **2. Tác phẩm** a. Xuất xứ: Là bài thơ thứ 97, trích ***Nhật kí trong tù*** Hồ Chí Minh b. Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác trong khoảng bốn tháng đầu của thời gian HCM bị giam giữ tại các nhà tù của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc ở Quảng Tây. c. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. d. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm e. Bố cục: 2 phần - Phần một (Ba câu đầu): Hiện thực xã hội Lai Tân. - Phần hai (Câu thơ cuối): Bình luận của tác giả.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vẫn, nhịp, đối
- ❖ Nhận biết và phân tích được giọng điệu trào phúng được thể hiện trong bài thơ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: ***Em hãy cho biết mục đích những việc thường làm của ban trưởng nhà giam và cảnh trưởng. Căn cứ vào đâu em khẳng định như vậy?*** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**	**II. Tìm hiểu chi tiết** **1/ Chân dung của những kẻ đứng đầu trong bộ máy quản lí nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Lai Tân** Ban trưởng chính là người giám ngục thì ngày này qua ngày khác chỉ biết đánh bạc. • Cảnh trưởng cố tình ăn tiền bòn vét, đút lót của phạm nhân. • Huyện trưởng: chong đèn làm việc công thực chất ở đây ám chỉ việc hút thuốc phiện. - Lần lượt từng tên, hiện ra rõ mồn một, tất cả đều là người thực hiện pháp luật, thực thi công lí, làm nhiệm vụ đem lại một cuộc sống công bằng. Nhưng không, họ lại làm những hành động không đúng với bổn phận, trái với pháp luật, đều hoàn toàn vô trách nhiệm.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. **<u>Nhiệm vụ 2:</u>** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi: *+ Giọng điệu trào phúng của câu thơ thứ ba có gì khác biệt so với hai câu thơ đầu?* *+ Theo em, nội dung câu kết có mâu thuẫn với nội dung các câu thơ trước không?* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	-> Đó là những kẻ đại diện thực thi , bảo vệ công lí, pháp luật nhưng hành vi lại phi pháp. - Nhà tù là nơi cải hoá người xấu thành người tốt nhưng với những tên cai quản nhà tù như thế kia thì thực chất của loại nhà tù này là gì là điều dễ hiểu . Một kiểu nhà tù bằng cách như thế làm sao xã hội có thể thái bình thực sự được. **2. Giọng điệu trào phúng của bài thơ** Một trong những bút pháp để tạo ra tiếng cười trong nghệ thuật trào phúng là khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên. - Ở đây, mâu thuẫn được tạo dựng bởi kết cấu bài thơ. Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường theo lẽ thường. Lẽ ra với những gì trình bày trong ba câu trên, tác giả phải kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội, nhưng ngược lại, tác giả lại kết luận "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình", cái bất thường bỗng chốc trở thành cái bình thường. => Đó là tiếng cười được tạo ra một cách chua cay. - Để tiếng cười trở nên mạnh mẽ, sâu sắc và độc đáo, tác giả đã đưa ra ba

	hình tượng (Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng) gắn liền với ba hiện tượng (đánh bạo, ăn hối lộ, hút thuốc phiện) và không dừng lại ở đó, Hồ Chí Minh còn nâng sự việc lên tầm phổ quát và phổ biến bằng các từ lặp lại như ngày ngày, đêm đêm, y nguyên như cũ... Những hiện tượng đó đủ để chúng ta kết luận xã hội Lai Tân đang rối loạn. - Nhưng bất ngờ thay, tác giả lại kết luận là đang thái bình. Hoá ra, rối loạn hay thái bình không còn phụ thuộc ở hiện thực khách quan theo logic tự nhiên nữa mà phụ thuộc vào cách nhìn hiện thực khách quan dó. Nếu người khác nhìn thì cho đó là loạn nhưng với bộ máy quan lại Lai Tân thì đó là thái bình. => Người đọc luôn cười nhưng lại là điệu cười chua chát vì sự thật đã bị bóp méo một cách trần trụi, lẽ thường cuộc sống đã bị chà đạp không thương tiếc. **3. Đối tượng phê phán trong bài thơ** - Bài thơ được viết vào giai đoạn đất nước Trung Quốc bị phát xít Nhật xâm lược, nhân dân Trung Quốc phải rên xiết dưới sự thông trị của ngoại

	bang và sâu mọt trong bộ máy quan lại chính quyền Tường Giới Thạch. - Bộ mặt quan lại nhà tù Lai Tân được Hồ Chí Minh khắc hoạ đầy đủ, rõ nét với chỉ bốn câu thơ. Không những thế, bài thơ còn phê phán tình trạng thôi nát phổ biến của bọn quan lại và xã hội Trung Quốc dưới thời cầm quyền của Quốc dân đảng. **III. Tổng kết** **1.Nghệ thuật** - Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực. - Lối viết mỉa mai sâu cay. - Bút pháp trào phúng. **2. Nội dung** Bài thơ miêu tả thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lai tân*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ Lai Tân qua lời nhận xét: " Trời đất Lai Tân vẫn thái bình".

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, hoàn thành bài viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Lai tân liên hệ trách nhiệm bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để liên hệ trách nhiệm bản thân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy bày tỏ quan điểm cá nhân trước chế độ cai trị của nhà tù Trung Quốc được thể hiện trong văn bản

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức **(2 điểm)**	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

TIẾT: …THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nắm được sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Đặt câu hỏi gợi mở: "Em đã từng gặp khó khăn khi lựa chọn từ ngữ phù hợp khi viết văn hoặc làm bài tập của GV cho chưa? Nếu có, em giải quyết nó như thế nào?"

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn ""Em đã từng gặp khó khăn khi lựa chọn từ ngữ phù hợp khi viết văn hoặc làm bài tập của GV cho chưa? Nếu có, em giải quyết nó như thế nào?"
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được kiến thức về sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 86 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc thông tin **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Quan sát các từ ngữ trong những cặp sau: ăn – xơi, trắng tinh – trắng hếu, vàng – vàng vọt, người lính – tên lính,.... có thể thấy giữa các từ ngữ trong mỗi cặp có sự khác biệt về sắc thái nghĩa, chẳng hạn, ăn có tính chất trung tính nhưng xơi có sắc thái trang trọng, trắng tình có sắc thái nghĩa tích cực (tốt nghĩa) nhưng trắng hếu có sắc thái nghĩa tiêu cực (xấu nghĩa).... Có những sắc thái nghĩa cơ bản như trang trọng thân mật, suồng sã, tích cực – tiêu cực, tốt nghĩa – xấu nghĩa.... Trong giao tiếp cần chú ý sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt Nhóm từ Hán Việt thường có sắc thái nghĩa cổ kinh, trang trọng hoặc khái quáttrừu tượng, khác hẳn với những

	từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt. • Sắc thái cổ kính, ví dụ: Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp (Huy Cận-Tràng giang). Nếu thay tràng giang bằng sóng dài thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này. • Sắc thái trang trọng, ví dụ Hôm nay phu nhân Thủ tưởng đến thận các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng. Cách dùng từ phu nhân (thay vì dùng từ vợ) phù hợp với vị thế của người được nói đến • Sắc thái khai quật trừu tượng, ví dụ Các phụ huynh rất mong được biết kết quả học lớp, tên luyện của đơn phi mình. Từ phụ huynh không thể thay thế bằng từ cha anh

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 86 - 87

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 86 - 87

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn thể hiện tình yêu quê hương đất nước sử dụng sắc thái từ ngữ trang trọng, phù hợp

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn theo yêu cầu

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 12 câu thể hiện tình yêu quê hương đất nước sử dụng sắc thái từ ngữ trang trọng, phù hợp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được đặc điểm của sắc thái từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Câu hỏi 1. Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó:

a. ngắn và cụt lủn

b. cao và lêu nghêu

c. lên tiếng và cao giọng

d. chậm rãi và chậm chạp

Trả lời:

a. ngắn chỉ tính chất trung tính nhưng cụt lủn có sắc thái châm biếm.

b. cao chỉ mang sắc thái trung tính còn lêu ngêu mang sắc thái nghĩa chê bai.

c. lên tiếng chỉ mang sắc thái trung tính còn cao giọng mang sắc thái mỉa mai.

d. chậm rãi chỉ mang sắc thái tích cực còn chậm chạp mang sắc thái tiêu cực.

Câu hỏi 2. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa. để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tại vạ về sau?

(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)

a. Tìm trong đoạn trích năm từ Hán Việt và giải nghĩa các từ đó.

b. Đi một câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.

Trả lời:

a. Năm từ Hán Việt trong đoạn trích: loạn lạc, gian nan, giả hiệu, triều đình, thác mệnh.

loạn lạc: tình trạng hỗn loạn, trật tự mất hết trong một nước

gian nan: có nhiều khó khăn gian khổ phải vượt qua.

giả hiệu: chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải, cốt để đánh lừa. độc lập giả hiệu

triều đình: nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương, do vua trực tiếp đứng đầu, của nhà nước quân chủ.

thác mệnh: ỷ lại

b. Thời kì loạn lạc của đất nước khiến mọi thứ bị trì trệ.

Công việc của tôi càng ngày gian nan.

Cô gái giả hiệu mẹ của đứa trẻ nhằm đánh lừa mọi người đi đường để bắt cóc đứa bé ấy.

Triều đình ta ngày càng thịnh vượng.

Anh ta đã thác mệnh cho đồng đội.

Câu hỏi 3. Theo em, các từ in đậm trong từng nhóm câu sau đây có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao?

a. - Cuộc kháng chiến **vĩ đại** ấy là một minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Anh ấy có mội thân hình **to lớn**, săn chắc.

b. - Không thể thống kê chính xác số người **chết** trong nạn đói năm 1945.

- Người chiến sĩ ấy đã **hi sinh** trong một trận chiến ó biên giới phía Bắc.

- Cụ tôi đã **mất** cách đây năm năm.

Trả lời:

a. Không vì nếu thay đổi sẽ mất đi sắc thái nghĩa khái quát, trừu tượng. Từ vĩ đại thường mang một ý nghĩa, sự kiện liên quan đến tầm vóc lơn lao, trọng đại. Từ to lớn thường chỉ sự vật, con người mang tính hẹp hơn.

b. Không vì nếu thay đổi như thế sẽ mất đi sắc thái trang trọng trong từng câu văn.

Câu hỏi 4. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Vua truyền cho hai chú cháu đứng dậy, và nói tiếp:

- Việc nước đã có người lớn lo. Hoài Văn Hầu nên về quê để **phu nhân** có người sớm hôm trông cậy. **Đế vương** lấy hiếu trị **thiên hạ**, em ta không nên sao nhãng phận làm con.

Vừa lúc ấy, một người **nội thị** bưng một mâm cỗ đi qua. Thiệu Bảo cầm lấy một quả cam sành chí mọng trên mâm, bảo một nội thị đưa cho Hoài Văn.

(Nguyễn Huy Tưởng, Lá cờ thêu sáu chữ vàng)

a. Tìm từ ngữ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn trích trên.

b. Việc sử dụng các từ in đậm đó đã đem lại sắc thái gì cho lời văn?

Trả lời:

a. phu nhân: vợ

đế vương: vua

thiên hạ: thế gian, trời đất.

nội thị: người hầu, kẻ hạ, thái giám.

b. Việc sử dụng các từ in đậm đã đem lại sắc thái trang trọng cho câu văn.

TIẾT…: VĂN BẢN 3. *MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG*

(Trần Thị Hoa Lê)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS chỉ ra được đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng trong văn bản

- HS trình bày cách hiểu về giọng điệu trào phúng thông qua một số nhận định trong văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giọng điệu trào phúng trong văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Tự giác học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

b. Nội dung: HS chia sẻ những hiểu biết và những điều muốn tìm hiểu vào phiếu KWL

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi "Em đã được học và mong muốn biết thêm nội dung nào ở thể thơ trào phúng?" Hãy điền vào bảng KWL sau

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác phẩm Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về tác phẩm Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác phẩm Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** Trần Thị Hoa Lê **2. Tác phẩm** Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 9/2022

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS chỉ ra được đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng trong văn bản
- HS trình bày cách hiểu về giọng điệu trào phúng thông qua một số nhận định trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận các câu hỏi: + Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là gì? Văn bản đã nêu những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới? + Văn bản đề cập đến những giọng điệu nào của tiếng cười trong thơ trào phúng? Hãy chỉ rõ dấu hiệu để nhận biết từng giọng điệu - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	**II. Tìm hiểu chi tiết** **1/ Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng** Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn phong trào phúng là những sự vật, sự việc không hoàn hảo, không được trọn vẹn xoay quanh cuộc sống. Tiếng cười trào phúng thường nhằm tới những đối tượng cụ thể là nét bi hài, mỉa mia, chấm biếm và lên án,… **2. Những giọng điệu nào của tiếng cười trong thơ trào phúng** Giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng được văn bản đề cập đến là sự hài hước, khinh bỉ, đả kích và phê phán. Từng giọng điệu đều có những dấu hệu nhận biết rõ ràng: - Hài hước là cách bông đùa vu vơ, nhẹ nhàng kết hợp các yếu tố mới lạ, lu mờ đi những khuôn khổ thân quen. Hai câu thực và hai câu luận của bài thơ sử dụng câu từ, hình ảnh mang tính chất đối, chế giễu. - Khinh bỉ, đả kích là những yếu tố thiếu logic, đi ngược lại với trật tự đạo lí thường tình. Tạo nên tiếng cười

	phê phán, lên án thói tự mãn, đạo đức giả,… - Phê phán mang tính chất phủ nhận gay gắt, quyết liệt thể hiện qua niệm về nhân sinh, đạo đức con người. **3. Nhận định: "Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn".** Tiếng cười trong văn chương xuất hiện muộn và không đều đặn trong các tác phẩm văn học viết thời trung đại. Đặc biệt ở thể loại truyện ngắn/truyện văn xuôi chữ Hán, phải đến cuối thế kỷ XIV sang thế kỷ XVI, tiếng cười hiếm hoi mới thực sự xuất hiện một cách dè dặt. Thơ trào phúng mang đậm màu sắc cuộc sống, phản ánh được những góc trần trụi của cuộc sống. Khác với thơ lãng mạn, thơ trào phúng dùng tiếng cười để xây dựng tư tưởng, tình cảm cho con người, chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rởm đời, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người. Vạch

	mâu thuẫn của sự vật – mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và cái thực chất bên trong – để làm cho người đọc nhận thấy sự mỉa mai, trào lộng của sự vật là cách làm chủ yếu của thơ trào phúng; cho nên thơ trào phúng thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các giọng điệu của tiếng cười trào phúng mà văn bản đề cập

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các giọng điệu của tiếng cười trào phúng mà văn bản đề cập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng để trả lời câu hỏi*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vận dụng tri thức từ văn bản Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trao phúng, em hãy cho biết: Hai bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu và Lai Tân sử dụng những giọng điệu nào của tiếng cười trào phúng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các nội dung chính của văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức **(2 điểm)**	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung	**1 - 3 điểm**	**4 – 5 điểm**	**6 điểm**

(6 điểm)	Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT ...: VIẾT. VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (THƠ TRÀO PHÚNG)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu bài: bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Em đã học những tác phẩm nào thuộc thể thơ trào phúng? Kể tên và nêu tóm tắt nội dung của bài thơ đó*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài

a. Mục tiêu: HS nắm được kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứ.	Phân tích một tác phẩm văn học là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Việc phân tích một bài thơ trào phúng cũng cần được triển khai theo hướng đó. Ở bài học này em sẽ được thực hành viết bài văn phân tích một bài thơ trào phúng, qua đó vừa củng cố kĩ năng đọc hiểutiếp nhận một bài thơ trào phúng vừa tiếp tục phát triển kĩ năng phân tích một bài thơ mà em đã được rèn luyện ở bài 2

Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài

a. Mục tiêu: HS nắm được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	*** Yêu cầu:** • Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận *+Một bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) cần đảm bảo yêu cầu gì?* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	kiến chung của người viết về bài thơ. • Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề • Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ • Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận + Bài viết đã giới thiệu vấn đề nghị luận nào? + Người viết đã dùng lí lẽ và bằng chứng như thế nào để làm rõ luận điểm chính **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**	**Phân tích bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống** ***1. Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ.*** - Nữ sĩ Hồ Xuân Hương vốn nổi tiếng với một hồn thơ phóng khoáng. - Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống ra đời từ sự bức xúc khi bà nhìn thấy cảnh trái tai gai mắt: một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn mà vẫn được lập đền thơm bà đã không ngại ngần

- HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứ.	cất tiếng cười giễu cợt. ***2. Phân tích nhan đề và đề tài*** - Chữ "đề" trong nhan đề bài thơ thể hiện nét văn hóa đẹp 'tức cảnh sinh tình", ngẫu hứng làm thơ vịnh cảnh, cảm khái trước khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. - Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống viết về một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn đâu có được ngợi ca mà là đả kích, khinh thường. ***3. Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.*** - Hai câu đầu tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình "trông ngang" mà chợt "thấy" ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thắt cổ chết. "Trăm năm bia đá chẳng mòn – Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ". Bà ứng khẩu thành thơ: "Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo". - "Ghé mắt trông ngang" là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dẻ. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. - Nữ sĩ tả qua ngôi đền, tả thực bằng hai nét: mặt tiền là cái "bảng treo"; thế đứng của ngôi đền rất "cheo leo", không chút uy nghi, vững vàng, lại heo hút! Những đền đài tráng lệ thường treo đại tự, hoành phi sơn son thiếp vàng, nhưng đền Sầm Nghi Đống chỉ có cái "bảng treo", tầm thường quá! Một nét vẽ châm biếm thân tình – Hai tiếng "Thái thú" là một lời kết tội đanh thép đối với bọn

	quan lại tướng tá Thiên Triều, lũ con cháu của Tô Định, Mã Viện… ngày xưa. ***4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng.*** - Từ kìa hàm ý chỉ trỏ, chẳng giấu giếm sự bất kính với chốn đền miếu linh thiêng, đồng thời cho thấy nữ sĩ tuy ngắm cảnh, vịnh cảnh, nhưng cũng chẳng thèm lại gần. - Từ cheo leo vừa gợi ra vị trí xây dựng của ngôi đền (trên gò), vừa gợi cảm giác không vững vàng. = > Câu thơ cho thấy dù là một viên tướng được thờ phụng, dù là một ngôi đền được xây cao thì trong mắt của nữ thi sĩ thì đó là một thứ rẻ rúng, coi thường và sự tôn nghiêm, thiêng liêng của ngôi đền đã biến mất sạch sẽ trong mắt nữ thi sĩ. ***5. Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.*** - Đề đền Sầm Nghi Đống là tiếng cười trào phúng vừa sâu cay, vừa mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương dành cho một kẻ xâm lược, góp phần củng cố thêm lòng yêu nước trong mỗi người Việt Nam. - Bài thơ cho thấy tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương – một nhà thơ hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu "Bà Chúa Thơ Nôm".

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: HS nắm vững được các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

c. Sản phẩm học tập: Bài văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, chốt: **Nhiệm vụ 2:** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV mời 2 HS đọc ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý). - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc thông tin về ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK, sau đó lập ý và	**1. Trước khi viết** **a. Lựa chọn đề tài** Liệt kê các bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc (gợi ý: Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến), Năm mới chúc nhau (Trần Tế Xương) …). Chọn trong số đó một bài thơ em cảm nhận rõ nhất tiếng cười trào phúng để phân tích. **b. Tìm ý** Để tìm ý cho bài văn phân tích một bài thơ trào phúng, em cần thực hiện các bước sau: - Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần. - Xác định đối tượng của tiếng cười trào phúng trong tác phẩm. - Tìm hiểu các phương tiện nhà thơ sử dụng để gây cười như từ ngữ (đặc biệt là các từ tượng hình, từ tượng thanh, thành ngữ…), biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp ngữ, đảo ngữ…) - Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn canh ra đời của tác phẩm và những thông tin khác có liên quan để liên hệ, mở rộng khi phân tích. **c. Lập dàn ý** Tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài,

trao đổi với bạn. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. **<u>Nhiệm vụ 3:</u>** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn. - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.	Kết bài. Riêng phần Thân bài có thể lập dàn ý theo một trong hai phương án: theo bố cục bài thơ hoặc theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật. **Dàn ý** - Mở bài: Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)… - Thân bài: Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày phần Thân bài theo một hệ thống ý tương ứng. **Phương án 1:** Phân tích theo bố cục bài thơ: + Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). + Ý 2: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). + … **Phương án 2:** Phân tích theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật: + Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán…) + Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ… đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười) + … - Kết bài: Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

	2. Viết bài - Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án. Việc triển khai nhất quán như vậy giúp cho bài viết được chặt chẽ và mạch lạc. - Theo phương án 1, em hãy tham khảo cách triển khai mỗi ý theo trình tự sau: thuyết (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết) – dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) – phân tích (nêu đối tượng của tiếng cười trago phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). Theo phương án 2, bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: phân tích nội dung và phân tích hình thức nghệ thuật nên tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ. - Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung. **3. Chỉnh sửa bài viết** Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu phân tích một bài thơ trào phúng và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo một số gợi ý sau: - Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp. - Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nọi dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ

	chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung. - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào cần trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

+ Soạn trước bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bài viết mẫu:

Vũ Trọng Phụng không chỉ được biết đến là "ông vua phóng sự đất Bắc" mà còn được biết đến là một nhà tiểu thuyết hiện thực đại tài. Dù thời gian sáng tác ít ỏi, nhưng ông đã để lại cho văn học Việt Nam hiện đại những tác phẩm xuất sắc: Giông tố, Số đỏ, Kĩ nghệ lấy tây, … Các tác phẩm của ông thường đi sâu phân tích, khám phá những mâu thuẫn trong đời sống, phê phán lối sống giả dối của xã hội thượng lưu đương thời thông qua nghệ thuật trào phúng đặc sắc. Tất cả những đặc điểm đó đã được phán ánh trong đoạn trích: Hạnh phúc một tang gia trích từ tiểu thuyết Số đỏ.

Trước hết ta cần hiểu nghệ thuật trào phúng là gì? Nghệ thuật trào phúng là nghệ thuật tạo nên những mâu thuẫn, tạo nên những tiếng cười mang tính chất đả kích, châm biếm sâu cay những hiện tượng đáng cười trong xã hội, từ đó tạo nên tiếng cười mang dụng ý phê phán và lên án xã hội.

Trước hết nghệ thuật trào phúng được thể hiện ở mâu thuẫn trào phúng. Mẫu thuẫn này đã được bộ lộ ngay từ nhan đề của tác phẩm. Hạnh phúc vốn là khái niệm chỉ trạng thái tâm lí vui sướng, hân hoan khi đạt được điều gì đó. Còn tang gia vốn là một nỗi buồn, nỗi đau cho các thành viên trong gia đình cũng như người xung quanh. Còn trong trường hợp này, tang gia lại trở thành niềm vui, sự hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Cả gia đình cụ cố Hồng đều cho sự sống của cụ cố tổ là bất thường, bởi cụ đã sống quá lâu, số tài sản mà họ mong ngóng mãi không thể nhận được. Bởi vậy, việc Xuân Tóc Đỏ làm cho cụ cố tổ tức chết đã làm mãn nguyện tất cả những thành viên trong gia đình, từ đây tài sản kếch xù mà họ nhòm ngó bấy lâu nay sẽ được chia.

Trong niềm vui chung được nhận gia sản, mỗi người họ lại có những niềm vui riêng, niềm vui của họ quả là muôn màu, muôn vẻ. Cụ cố Hồng hám danh, thích khoe mẽ, thì đây chính là cơ hội để cụ được mặc bộ đồ xô gai, lụ khụ chống gậy để cho người ta khen: "úi kìa, con gia nhớn đã già thế kia à", để người ta thấy phúc phận mà người chết được hưởng. Vợ chồng Văn Minh và TYPN thì lại sung sướng khi có thể biến đám tang thành sàn diễn thời trang, lăng xê những mẫu quần áo mới nhất của họ. Còn ông Phán mọc sừng nhận ra giá trị lớn đôi sừng trên đầu, vì đôi sừng đó mà lão nhận thêm được vài nghìn trong số gia sản tiền đền bù danh dự. Cô Tuyết ngây thơ được trưng diện những bộ đồ hở hang, "ngây thơ" chứng tỏ mình còn trong trắng. Riêng với cậu Tú Tân, cậu sẽ được đem chiếc máy ảnh vào thực hành. Không chỉ vậy, những kẻ ngoài gia đình cũng tìm được hạnh phúc cho mình: Min Đơn Min Toa đang thất nghiệp bỗng có việc làm; bàn bè cụ cố có dịp khoe huân chương đầy ngực… Ngoài ra mâu thuẫn trào phúng còn phải kể đến Xuân Tóc Đỏ: hắn là người gây ra cái chết của cụ cố, vốn có tội lại thành có công, sự vắng mặt của Xuân khiến cho tất thảy mọi người phải lo lắng: "Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn". Như vậy một gia đình tự gán cho mình cái mác văn minh, một xã hội âu hóa nhưng đều là những kẻ bất hiếu, độc ác, đây là xã hội lố lăng, không có chút tình người.

Không chỉ vậy, để tô đậm chất trào phúng trong đoạn trích, Vũ Trọng Phụng đã lựa chọn những chi tiết đắt giá, đầy ấn tượng. Đó là cảnh đám ma đông vui, ồn ã như một đám hội. Đám ma đó là sự kết hợp lố lăng, Tây – Tàu – Ta lẫn lộn, người đi rước chẳng chút buồn thương, họ không hề quan tâm đến người chết. Kẻ thì nói chuyện chồng con, hàng xóm, kẻ thì tận dụng cơ hội để chim chuột nhau,… "đám cứ đi" và tiếp tục câu chuyện của mình. Điệp từ "đám cứ đi" được lặp đi lặp lại nhiều lần cho thấy sự giả tạo, đi chậm lại không phải quyến luyến, tiếc thương mà là để cố khoe sự giàu có, hào nhoáng của gia đình, của đám tang.

Quay đến cận cảnh, Vũ Trọng Phụng hướng ngòi bút vào cậu Tú Tân đang hò hét, la ó mọi người đứng tư thế sao cho đẹp nhất để cậu chụp ảnh, người phải chống gậy, kẻ phải gục đầu, người phải lau nước mắt,… ; bà Văn Minh sốt ruột,… cụ cố Hồng mếu máo, khóc ngất đi; còn ông Phán mọc sừng trong lúc đau đớn khóc oặt cả người vẫn tận dụng cơ hội để tạo ra một cuộc mua bán, trao đổi chóng vánh với Xuân Tóc Đỏ, tờ năm đồng được gấp làm tư, nhanh chóng đưa vào tay Xuân Tóc Đỏ cùng với đó là niềm hi vọng sẽ có cơ hội hợp tác ở những lần khác hiệu quả hơn nữa. Họ quả là những kẻ diễn viên đại tài.

Ngoài ra còn phải kể đến ngôn ngữ trào phúng, phóng đại bậc thầy. Vũ Trọng phụng rất tinh tế khi sử dụng các từ ngữ gây cười, từ cách gọi tên sự vật: lợn quay đi lọng, lốc bốc xoảng, bú dích… đến cách đặt tên các nhân vật: TYPN, Min Đơ, Min Toa, ông Phán mọc sừng, sư cụ Tăng Phú… đều diễn đạt một cách ý nhị thái độ châm biếm của ông. Những hình ảnh so sánh vi von hài hước: Cảnh sát không được biên phạt buồn như nhà buôn vỡ nợ; Từ chối việc chạy chữa như những vị danh y biết tự trọng… diễn tả chính xác bản chất nhân vật và sự thối nát của xã hội. Hình

ảnh đậm tính chất trào phúng: "Tuyết đi mời các quan khách rất nhanh nhẹn, trên mặt lại hơi có một vẻ buồn lãng mạn rất đúng mốt nhà có đám" … Giọng văn đậm chất châm biếm: Thật là một đám ma to tát; Cái chết kia làm cho nhiều người sung sướng lắm… Tất cả những yếu tố nghệ thuật đó đã tạo nên giá trị mỉa mai sâu cay, đặc sắc, tố cáo, vạch trần sự giả dối, đều cáng trong nhân cách của những kẻ giàu có trong xã hội đương thời.

Bằng bút pháp trào phúng đặc sắc, giọng điệu châm biếm, trào phúng sâu cay Vũ Trọng Phụng đã vô cùng thành công khi vạch trần bộ mặt xã hội giả dối, bất nhân. Tiếng cười bật lên vừa hỏm hỉnh vừa sắc sảo, qua đó thể hiện thái độ coi thường, kinh bỉ cái xã hội âu hóa lố lăng, tầng lớp thị dân lố bịch đương thời.

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

3. Phẩm chất:

- Ý thức trách nhiệm với cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: ***Theo em, tiếng cười có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống mỗi người?***

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.
- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học	**1. Trước khi nói**

tập - GV đặt câu hỏi: + Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về ***các bước trình bày bài nói*** **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Xác định phạm vi trình bày (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng…). - Tìm những ý chính dự định sẽ trình bày trong bài nói: + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào? + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào? + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì? + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó. - Từ các ý tìm được, lập dàn ý cho bài nói.

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi trình bày bài nói

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK	**2. Trình bày bài nói** - Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về ***các bước trình bàu bài nói*** **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằn chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,…) - Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.

Hoạt động 3: Trao đổi, đánh giá

a. Mục tiêu: Đánh giá để tìm ra điểm cần phát huy và hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện kĩ năng nói và nghe

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trao đổi về bài nói

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về ***các tiêu chí đánh giá bài nói và nghe***	**3. Đánh giá** Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau: - Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không? - Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe… của người nói có thuyết phục không? - Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để sửa bài nói cho các bạn khác

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV thu bảng đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài Củng cố, mở rộng

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

Tiêu chí		*Chưa tốt*	*Tốt*	*Xuất sắc*
Mở đầu	*Có lời chào ban đầu và giới thiệu*			
	Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói			
	Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)			
Nội dung chính	*Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?*			
	Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?			
	Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng			

	tương tác với người nghe… của người nói có thuyết phục không?			
Kết thúc	*Khẳng định được ý nghĩa của vấn đề thảo luận*			
	Rút ra được bài học nhận thức, hành động			
Kỹ năng trình bày	*Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói*			
	Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói			
	Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe			

TIẾT: …CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh ôn tập kiến thức về các văn học trong chủ đề 4 đã học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn "Qua chủ đề TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ, em hãy bày tỏ cảm xúc của mình khi học xong các văn bản đọc trong chủ đề?"
- GV gọi HS chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 97

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 97

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số tác phẩm khác có sử dụng nghệ thuật trào phúng

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số tác phẩm khác có sử dụng nghệ thuật trào phúng

c. Sản phẩm học tập: Phần thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Đáp án bài tập**

Câu 1 (trang 97 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các nội dung phù hợp:

Văn bản	Thể thơ	Các phần trong bố cục bài thơ	Câu thơ tương ứng
Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu			
Lai Tân			

Trả lời:

Văn bản	Thể thơ	Các phần trong bố cục bài thơ	Câu thơ tương ứng
Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu	Thất ngôn bát cú	Đề – thực – luận – kết	- Đề: Nhà nước ba năm mở một khoa Trường Nam thi lẫn với trường Hà - Thực: Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ Ậm ọe quan trường miệng thét loa - Luận: Cờ kéo rợp trời, quan sứ đến Váy lê quét đất, mụ đầm ra - Kết: Nhân tài đất Bắc nào ai đó? Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà!
Lai Tân	Thất ngôn tứ tuyệt	Khởi – thừa – chuyển – hợp.	- Khởi: Ban trưởng nhà lao chuyên đá bạc.

			- Thừa: Giải người, cảnh trưởng kiếm ă quanh. - Chuyển: Chong đèn, huyện trưởng là công việc. - Hợp: Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

Câu 2 (trang 97 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin phù hợp:

Văn bản	Đối tượng bị châm biếm, đả kích	Những cái xấu bị châm biếm đả kích
Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu		
Lai Tân		

Trả lời:

Văn bản	Đối tượng bị châm biếm, đả kích	Những cái xấu bị châm biếm đả kích
Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu	Nhà nước thực dân phong kiến, sĩ tử và quan trường, người nước ngoài, nhân tài đất Bắc.	Chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn, ô nhục của thời thực dân mới đặt chân cai trị đất nước ta
Lai Tân	Bộ máy quan lại Lai Tân: ban trưởng, cảnh trưởng, huyện trưởng.	Tình trạng thối nát vô trách nhiệm của bọn quan lại ở Lai Tân.

Câu 3 (trang 97 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin tương ứng:

Giọng điệu trào phúng	Đặc điểm của giọng điệu	Ví dụ minh họa (tên bài thơ, tác giả)
Hài hước		
Mỉa mai – châm biếm		
Đả kích		

Trả lời:

Giọng điệu trào phúng	Đặc điểm của giọng điệu	Ví dụ minh họa (tên bài thơ, tác giả)
Hài hước	Là cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ, phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc.	Tự trào – Phạm Thái
Mỉa mai – châm biếm	Là cách tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường, tạo nên tiếng cười phê phán, thanh lọc những thói xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt…	Hỏi thăm quan tuần mất cướp – Nguyễn Khuyến
Đả kích	Thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả. Đó có thể là nhữn hình thức ngôn từ mang tính "mắng chửi" quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc, nhằm mục đích cảnh tỉnh sự tha hóa đạo đức đang diễn ra tràn lan trong xã hội.	Đất Vị Hoàng – Trần Tế Xương

Câu 4 (trang 98 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.

Em hãy nêu suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Trả lời:

- Nghệ thuật trào phúng là nghệ thuật gây cười nhằm đả kích, châm biếm những hiện tượng xấu xa trong đời sống xã hội. Ý kiến " Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn" là ý kiến đúng bởi nó đã khái quát được nghệ thuật của tiếng cười trào phúng. Các nhà văn, nhà thơ sử dụng nghệ thuật ấy nhằm tố cáo xã hội đương thời mục nát, những con người thực dụng nửa mùa, đưa tới những bài học giá trị nhân văn sâu sắc.

TIẾT…: THỰC HÀNH ĐỌC: VỊNH CÂY VÔNG

(Nguyễn Công Trứ)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được thể thơ của bài
- HS chỉ ra và phân tích được tiếng cười trào phúng trong bài thơ
- HS nêu được tác dụng của nghệ thuật ẩn dụ (hình tượng cây vông)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Vịnh cây vông*

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở "Theo em, việc sử dụng tiếng cười trào phùng trong thơ ca có tác dụng gì?"

c. Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: "Theo em, việc sử dụng tiếng cười trào phùng trong thơ ca có tác dụng gì?"

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát video

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- HS chia sẻ quan điểm

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm học tập: Bài đọc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ	**I. Tìm hiểu chung**

học tập - GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS theo dõi văn bản **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	**1.Tác giả** - Nguyễn Công Trứ tên tục là Củng, tự là Tồn Chất, hiệu là Ngộ Trai, biệt hiệu là Hy Văn, sinh ngày 01 tháng 11 năm Mậu Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39, tức ngày 19 tháng 12 năm 1778; người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. - Nhắc đến Nguyễn Công Trứ là nhắc đến một phong cách phóng khoáng, ngang tàng, tự do tự tại. **2. Tác phẩm** - Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn bát cú đường luật.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

b. Mục tiêu:

- HS chỉ ra và phân tích được tiếng cười trào phúng trong bài thơ
- HS nêu được tác dụng của nghệ thuật ẩn dụ (hình tượng cây vông)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau: + Đối tượng của tiếng cười trào phúng	**II. Tìm hiểu chi tiết** **1.Đối tượng của tiếng cười trào phúng.** - Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng (1820-1840) - *Cùng, thông, đắc, táng, bỉ thương*

trong bài thơ là ai? + Hình ảnh cây vông ẩn dụ cho điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	*mặc phó kì quyền.* *Nghĩa là: Cùng,thông, thua, được, trời xanh giao phó quyền hành.* Câu này cũng có chữ "quyền" ở sau cùng, và cũng để thách thức Hà Tôn Quyền đối lại, nhưng Nguyễn Công Trứ còn có thâm ý nói rằng Hà Tôn Quyền khéo nịnh nên mới được nhà vua giao phó cho quyền hành. Nhân có con vừa thi đậu Cử nhân, Hà Tôn Quyền mở tiệc ăn mừng, có mời cả Nguyễn Công Trứ cùng dự. Giữa bữa tiệc, mượn hơi rượu, Hà Tôn Quyền chỉ ra cây vông đang nở hoa ngoài sân, ra một đề thơ "Vịnh cây vông" yêu cầu các quan khách cùng vịnh chơi, tất nhiên người mà ông chủ nhắm vào đầu tiên là Cụ Trứ. Để bắt bí, ông ta lại hạn bài thơ phải lấy vần "ông/bông". Trong số quan khách không thiếu những người hay chữ, nhiều người đã tham gia cuộc chơi, nhưng rốt cuộc bài của Nguyễn Công Trứ được mọi người công nhận là hay nhất. - Hai câu luận 5 và câu 6 chỉ rõ Hà Tôn Quyền không phải là lương đống quốc gia mà chỉ là hạng người nương tựa uy thế nhà vua mà thôi. Nhưng đặc biệt nặng đòn và hợp cảnh là hai

	câu kết "Đã biết nòi nào thì giống nấy / Khen cho rứa cũng trổ ra bông!" **2. Nghệ thuật ẩn dụ (dùng hình tượng cây vông để châm biếm, đả kích).** - Cây vông mang ý nghĩa biểu tượng, là hình ảnh ẩn dụ cho Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng. Đó là bộ máy quan lại bất tài, vô dụng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Vịnh cây vông*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về hình ảnh cây vông trong văn bản

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về hình ảnh cây vông trong văn bản

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học sưu tầm các sáng tác của nhà thơ Nguyễn Công Trứ

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

TRIỂN LÃM VĂN HỌC

Mỗi học sinh sẽ sưu tầm tranh ảnh/ các bài thơ của Nguyễn Công Trứ trưng bày ở góc học tập của lớp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**